**Tên bài học**: **Bài 103: uôi ươi**

 **Tiết: 236+ 237**

**1. Yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết vần **uôi, ươi**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uôi, ươi**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **uôi**, vần **ươi**.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Cá và chim**.

- Viết đúng các vần **uôi, ươi**, các tiếng (dòng) **suối**, (quả) **bưởi** cỡ nhỡ (trên bảng con).

*\** ***Lồng ghép Giáo dục địa phương****:*Lồng ghép chủ đề 7: Nghề truyền thống Phú Yên

Hoạt động: Khám phá và Trải nghiệm

Mục tiêu: Biết được làm muối là nghề truyền thống của địa phương và biết được làm muối như thế nào.

**2. Đồ dùng dạy học**

a. Giáo viên:

- Thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập, mẫu vật, vật thật

- Bảng cài, bộ thẻ

b. Học sinh:

**-** Sách giáo khoa, sách bài tập Tiếng Việt

- Bút chì, đồ dùng học tập

- Bảng con, phấn

- Bảng cài, bộ

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**- Ổn định **2. Hoạt động hình thành kiến thức (25 phút)****Giới thiệu bài**: vần **uôi**, vần **ươi**. **Hoạt động 1: *Dạy vần uôi***- GV viết bảng: âm đôi **uô**, chữ **i**. / HS (cá nhân, cả lớp); **uô - i - uôi.**- HS nói: dòng suối. / Tiếng **suối** có vần **uôi.** / Phân tích vần **uôi**. / Đánh vần, đọc trơn: uô - i - uôi / sờ - uôi – suôi - sắc - suối / dòng suối.**Hoạt động 2: *Dạy vần ươi*** (như vần **uôi**): Chú ý: Vần **ươi** gồm âm đôi **ươ** và âm **i**. *\* Củng cố:* Cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: **uôi, dòng suối; ươi, quả bưởi**.**3.Vận dụng thực hành (5 phút)****Hoạt động 1:*Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **uôi**? Tiếng nào có vần **ươi**?)- GV chỉ từng từ ngữ, 1 HS, cả lớp đọc. + Buồng chuối+ Con muỗi+ Tươi cười+ Đĩa muối + Cưỡi ngựa + Buông lưới - GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng **chuối** có vần **uôi**. Tiếng **tươi** có vần **ươi**,...*\** ***Lồng ghép Giáo dục địa phương****:*Lồng ghép chủ đề 7: Nghề truyền thống Phú Yên Hoạt động: Khám phá và Trải nghiệm Mục tiêu: Biết được làm muối là nghề truyền thống của địa phương và biết được làm muối như thế nào.**Hoạt động 2:*Tập viết*** (bảng con - BT 4). a) HS đọc các vần, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp. . b) Viết vần: **uôi, ươi** - 1 HS đọc vần **uôi**, nói cách viết.- GV vừa viết vần **uôi** vừa hướng dẫn: các con chữ cao 2 li, cách viết dấu mũ của **ô**, cách nối nét. / Làm tương tự với vần **ươi**.- HS viết: **uôi, ươi** (2 lần). c) Viết tiếng: (dòng) **suối**, (quả) **bưởi** (như mục b).- GV vừa viết mẫu tiếng **suối** vừa hướng dẫn: chữ s cao hơn 1 li; chú ý nét nối giữa các con chữ; dấu sắc đặt trên **ô**. / Làm tương tự với **bưởi**. - HS viết: (dòng) **suối**, (quả) **bưởi** (2 lần) | - HS hát- HS lắng nghe- HS quan sát- HS theo dõi- HS đọc, phân tích- HS đọc - Từng cặp HS trao đổi, làm bài. - HS báo cáo. - HS lắng nghe- HS đọc và nêu cách viết- HS đọc và nói cách viết- HS quan sát- HS viết bảng con- HS quan sát- HS viết bảng con |
| **Tiết 2** |
| **Hoạt động 3:*Tập đọc*** (BT 3) (30 phút)a) GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài *Cá và chim*: Cá bơi dưới nước, chim bay trên trời, thế mà cá và chim vẫn trò chuyện, kết bạn cùng nhau, đi chơi cùng nhau. Các em cùng lắng nghe để biết cá và chim trò chuyện thế nào.b) GV đọc mẫu, giọng vui, nhẹ nhàng.c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **bơi dưới suối, hót trên cây, biết bơi, xuống đây, đôi cánh, bay trên trời, thích lắm.**d) Luyện đọc câu, đoạn - GV: Bài có mấy câu văn, bao nhiêu dòng thơ? (4 câu văn, 13 dòng thơ). - GV chỉ từng câu văn, từng khổ thơ cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp). - Đọc tiếp nối từng câu văn, từng khổ thơ (cá nhân, từng cặp): (Đọc cá nhân) HS 1 đọc câu đầu: Cả bơi dưới suối, thấy... bèn rủ: HS 2 đọc tiếp: 4 dòng thơ (lời cá). HS 3 đọc tiếp câu: Chim trả lời: và 4 dòng thơ (lời chim). HS 4 đọc câu: Cá nói: và 5 dòng thơ (lời cá). HS 5 đọc câu văn cuối cùng. (Đọc từng cặp). Cặp thứ nhất đọc câu đầu: Cá bơi dưới suối, thấy... bèn rủ: Cặp thứ hai đọc tiếp: 4 dòng thơ (lời cá)... e) Thi đọc theo lời nhân vật- GV: Bài Cả và chim là lời trò chuyện giữa cá và chim. Để đọc đúng vai, các em cần xác định những câu văn nào là lời người dẫn chuyện, những câu thơ nào là lời cá, lời chim. GV chỉ bài đọc trên bảng, cùng HS xác định:+ Lời dẫn chuyện; 4 câu văn. + Lời cá rủ chim (4 dòng thơ): Này bạn chìm gì? . Thích lắm! + Lời chim (4 dòng thơ); Ôi bạn cả ơi! ... Chim bay trên trời, + Lời cá (5 dòng thơ): Không lo chim ơi! ... Thích lắm!- Từng tốp (mỗi tốp 3 HS) nhìn SGK cùng luyện đọc theo vai. - Một vài tốp thi đọc theo vai. Cả lớp và GV nhận xét. - 1 HS đọc cả bài./ Cả lớp đọc đồng thanh. g) Tìm hiểu bài đọc. - GV chỉ từng vế câu cho cả lớp đọc. /1 HS làm mẫu: a) Cả - 2) bơi dưới suối. - HS làm bài trong VBT. -1 HS đọc kết quả. - Cả lớp đọc lại kết quả: a) Cá - 2) bơi dưới suối. b) Chim - 3) bay trên trời. c) Cá và chim - 1) cùng đi chơi. \* Cả lớp đọc 8 vần vừa học trong tuần (SGK, chân trang 20). **4.Củng cố và nối tiếp:5’**- HS tìm thêm tiếng ngoài bài có vần uôi (tuổi, cuối, đuổi,...), có vần ươi (tưới, cưới,...).- GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà luyện đọc thêm bài thơ | - HS lắng nghe- HS luyện đọc- HS trả lời- HS đọc- HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe- HS theo dõi- HS đọc- HS đọc- HS làm bài- HS tìm- HS lắng nghe |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy**